TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Số: 80/2025/DS-ST
Ngày: 26 - 8 - 2025.
Về: "Tranh chấp,hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lâm Sơn;
2. Bà Nguyễn Thị Ly.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trần Long – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 300/2025/TLST-DS, ngày 27 tháng 5 năm 2025 về: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2025/QĐXX- DS ngày 22 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1961 (CCCD 089161013235, do Cục Q về trật tự xã hội cấp ngày 11/8/2021); địa chỉ cư trú: Ấp T, xã M, huyện C (nay xã C), tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền cho bà P là ông Lê Thanh Duy L, sinh năm 2001 (CCCD số 089201007990 do Cục Q về trật tự xã hội cấp ngày 01/9/2021); địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang, theo Văn bản ủy quyền ngày 26/3/2025 của Văn phòng C1 (Vắng mặt).

Bị đơn: Ông Thái Văn T, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Số C, tổ A, ấp T, xã M, huyện C (nay xã C), tỉnh An Giang(Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Số C, tổ A, ấp T, xã M, huyện C (nay là xã C), tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 19/5/2025 với các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Lê Thanh Duy L – đại diện theo ủy quyền cho bà P trình bày:

Nguyên bà P với vợ chồng ông T – bà D quen biết, thấy vợ chồng ông T – bà D làm ăn mà thiếu vốn, nên khi hỏi vay tiền bà P đồng ý. Thời gian từ tháng 8/2022 đến ngày 20/11/2022 bà P cho ông T – bà D vay 02 lần. Cụ thể:

Lần 1: Tháng 8/2022 cho vay 150.000.000đồng, với thỏa thuận lãi suất 3% tháng và hẹn trong hạn 05 tháng hoàn trả. Lần vay này chỉ giao qua tay và khi vay ông T – bà D nói tiêu dùng trong gia đình.

Lần 2: Ngày 20/11/2022 cho vay 1.000.000.000đồng để sử dụng đáo hạn Ngân hàng và cũng thỏa thuận lãi suất 3% tháng. Khi vay lần này ông T có ký nhận nợ và hẹn đến ngày 30/01/2023 hoàn trả luôn cả tiền vay 150.000.000đồng của lần 1.

Tổng cộng hai khoản vay là 1.150.000.000đồng đến nay ông T – bà D không trả, nhiều lần đòi thì ông bà lẫn tránh.

Nay bà P yêu cầu buộc ông T – bà D phải trả ngay số tiền trên cùng với lãi suất theo quy định, kể từ ngày 30/01/2023 đến khi xét xử.

Tòa án tống đạt thông báo hợp lệ cho ông Thái Văn T – bà Nguyễn Thị D để tham gia phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T – bà D vắng mặt không lý do.

Tại biên bản lời khai ngày 26/6/2025, bà Nguyễn Thị D trình bày:

Thừa nhận bà là vợ ông Thái Văn T, trước đây ông T làm ăn thua lỗ nên hỏi vay tiền nhiều người, nghe nói trong đó có khoản vay của bà P 1.150.000.000đồng và chính ông T ký biên nhận, không liên quan đến bà, nên với yêu cầu của bà P thì bà không đồng ý.

Tại phiên tòa, ông L có đơn xin vắng mặt, đối với lãi suất có thay đổi một phần là chỉ yêu cầu tính lãi 10%/năm mà không phải yêu cầu 20%/năm như trước đây.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ Biên nhận ngày 20/11/2022, thể hiện số tiền vay chỉ là 1.000.000.000đồng, chứ không phải 1.150.000.000đồng và người nhận vay là cá nhân ông T, chứ không phải ông T cùng với bà D, nên yêu cầu của bà P buộc ông T – bà D có nghĩa vụ liên đới trả và trả vốn 1.150.000.000đồng là không có cơ sở, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu của bà P buộc cá nhân ông T trả cho bà P vốn 1 tỷ đồng và điều chỉnh lãi suất theo quy định của phát luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn – ông Lê Thanh Duy L có đơn xin vắng mặt; bà Nguyễn Thị Diễm C ý kiến yêu cầu xét xử vắng mặt; riêng ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt ông L, ông T, bà D theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Cho rằng tài sản của mình cho ông T – bà D vay nhưng ông T - bà D không trả, căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",* theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu - Thẩm quyền: Theo biên nhận ngày 20/11/2022 thì ông T hẹn đến 30/01/2023 trả số tiền trên, nhưng ông T không thực hiện, nên ngày 19/5/2025 bà P khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự; ông T có nơi cư trú tại xã C, nên Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung: Hợp đồng vay giữa hai bên có lập thành văn bản, thỏa thuận vay trên nguyên tắc tự nguyện phù hợp pháp luật, nên được xem là hợp đồng vay hợp pháp. Tuy nhiên, do ông T vắng mặt không tham gia hòa giải, đối chất về yêu cầu kiện của bà P, nên theo từng yêu cầu của bà P cũng như phản bác của bà D, HĐXX xét thấy như sau:

[4.1]. Về vốn vay:

Tại phiên tòa, ông L – đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn có đơn giữ nguyên yêu cầu trả vốn 1.150.000.000đồng cùng với lãi suất, kèm theo tài liệu chứng cứ là Biên nhận ngày 20/11/2022 chính do ông T (người mượn nợ) ký nhận, ghi rõ bằng chữ (một tỷ đồng), nhưng ông T không có ý kiến phản đối; hơn nữa tại lời khai ngày 26/6/2025 của bà D (vợ ông T) thừa nhận chồng bà có vay nhiều người trong đó có vay bà P 1.150.000.000đồng, do đó việc bà P khởi kiện 1.150.000.000đồng là có cơ sở, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Đối với Kiểm sát viên chỉ đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu buộc trả 1.000.000.000đồng là có mâu thuẫn trong việc đánh giá chứng cứ, không xem xét thừa nhận của đương sự, nên đề nghị này không được HĐXX chấp nhận.

[4.2]. Về lãi suất:

Theo biên nhận nợ ngày 20/11/2022 thì không thể hiện mức lãi, trong khi tại đơn khởi kiện và lời khai của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa cho rằng mức lãi suất thỏa thuận khi vay là 3% tháng, nhưng không có cơ sở gì chứng minh. Tại phiên tòa, qua đơn yêu cầu vắng mặt của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn cũng chỉ yêu cầu mức lãi 10%/năm là phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nên được chấp nhận.

Về thời gian, lẽ ra phải tính lãi từ tháng 08/2022 đối với khoản vay

150.000.000đồng và tính lãi từ tháng 12/2022 đối với khoản vay 1.000.000.000đồng, nhưng đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi chung hai khoản 1.150.000.000đồng từ tháng 01/2023 là có lợi cho bị đơn, nên HĐXX công nhận.

Như vậy từ tháng 01/2023 đến nay là tháng 8/2025 bằng 31 tháng, mức lãi 10%/năm. Cụ thể được tính như sau: 1.150.000.000đồng x 10% x (31/12)/năm = 297.083.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi xác định là 1.150.000.000đồng + 297.083.000đồng = 1.447.083.000 đồng

[5]. Về nghĩa vụ:

Ông T – bà D là quan hệ vợ chồng, tại biên nhận ngày 22/11/2022 thể hiện người cho vay tiền đáo hạn. Qua xác minh thu thập chứng cứ thì tại Công văn số 145/NHNo.ML-KH ngày 14/7/2025 của NHNo.ML, phúc đáp Công văn số 15/2025/TA-DS ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Tòa án thì xác định: *"Khoản vay của ông Thái Văn T: Ngày 21/11/2022 ông T tất toán khoản vay 2.300.000.000đồng. Ngày 02/8/2023 ông T tất toán khoản vay 80.000.000đồng…. Khoản vay của bà Nguyễn Thị D: Ngày 27/6/2022 bà D tất toán khoản vay 1.400.000.000 đồng…"*. Như vậy, có đủ cơ sở vào thời gian trên ông T – bà D có vay và trả nợ cho Ngân hàng như nội dung biên nhận thể hiện, nên ông T – bà D phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà P theo quy định tại Điều 288 Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên cho rằng biên nhận nợ chỉ do ông T ký nên đề nghị HĐXX chỉ buộc cá nhân ông T mà không buộc bà D có nghĩa vụ liên đới cùng ông T trả là chưa xem xét toàn bộ nội dung và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên đề nghị này cũng không được HĐXX chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của bà P được chấp nhận, nên bà P không chịu án phí dân sự sơ thẩm; riêng ông T – bà D phải cùng chịu án phí dân sự đối với nghĩa vụ của ông bà trả cho bà P 1.447.083.000đồng, theo quy định tại các khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 288 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc P.

Buộc ông Thái Văn T – bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc P 1.447.083.000đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Về án phí: Ông Thái Văn T – bà Nguyễn Thị D phải cùng chịu 55.412.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/8/2025), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 11;
- Phòng THADS khu vực 11;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Huệ